

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST.
Ngày: 16 - 5 - 2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Tùng.

2. Ông Thạch Văn Mên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Địa chỉ: Số X-Y-Z, Phạm Hồng T, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Quốc T – Chức vụ: Q. Trưởng phòng KHCN/KHDN – Ngân hàng TMCP K – CN S.

Địa chỉ: Số X – Y, đường Trần Hưng Đ, phường Z, thành phố S, tỉnh S.
(Theo văn bản ủy quyền số 81/UQ-NHKL ngày 08/02/2022).

- *Bị đơn:* Ông Trương Minh Đ, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 84, ấp Thạnh N, xã Thạnh Thới Thuận, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần K trình bày:

Vào ngày 27/04/2017, ông Trương Minh Đ có đề xuất vay vốn tại Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh S theo hợp đồng tín dụng Visa số 20017139000160 với nội dung như sau:

- Hạn mức thẻ Visa: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).
- Loại thẻ Visa Classic.
- Lãi suất vay: 22%/năm.
- Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng Quốc tế.
- Điều kiện áp dụng: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng Quốc tế.

Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ ông Trương Minh Đ đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông cũng đã cam kết nhưng không thực hiện việc trả nợ. Cụ thể số nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/5/2022 là:

- Nợ gốc chưa thanh toán: 49.957.890;
 - Lãi chưa thanh toán: 41.517.052đ;
 - Phạt chậm trả chưa thanh toán: 27.095.419đ;
 - Phí phạt vượt hạn mức: 48.840.553đ;
- Tổng cộng: 167.410.914đ.

Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Ông Trương Minh Đ phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 167.410.914đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm mười nghìn, chín trăm mười bốn đồng) và tiền lãi, phạt phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 16/5/2022 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

2. Sau khi Quyết định/Bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Trương Minh Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án buộc ông Trương Minh Đ trả hết toàn bộ số tiền nợ Ngân hàng bao gồm: Gốc, lãi và phí phát sinh theo thỏa thuận Hợp đồng tín dụng Visa số 20017139000160 ngày 27/4/2017.

Ông Trương Minh Đ không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 126/2020/TB-TLVA ngày 07 tháng 12 năm 2020, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Trương Minh Đ nhưng ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt ông Đ, không tiến hành hòa giải được và ông Đ cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về tuân thủ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông Trương Minh Đ thanh toán số tiền vốn và lãi còn nợ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Trong vụ án này, nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K** khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trương Minh Đ thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi, phạt phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 16/5/2022 và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

- Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tại phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP K và đại diện Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 27/04/2017, ông Trương Minh Đ có đề xuất vay vốn tại Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh S theo hợp đồng tín dụng Visa số 20017139000160 với nội dung như sau:

- Hạn mức thẻ Visa: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).
- Loại thẻ Visa Classic.
- Lãi suất vay: 22%/năm.
- Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng Quốc tế.
- Điều kiện áp dụng: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng Quốc tế.

Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ ông Trương Minh Đ đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông cũng đã cam kết nhưng không thực hiện việc trả nợ. Cụ thể số nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/5/2022 là: 167.410.914đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm mười nghìn, chín trăm mười bốn đồng).

Xét về hợp đồng tín dụng **số Visa số 20017139000160 ngày 27/4/2017** giữa Ngân hàng TMCP K chi nhánh S với ông Trương Minh Đ là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức nên Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP K chi nhánh S với ông Trương Minh Đ là hợp pháp.

Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ ông Trương Minh Đ đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông cũng đã cam kết nhưng không thực hiện việc trả nợ. Việc ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ không những vi phạm các điều khoản cam kết về nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng mà còn vi phạm quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức

tín dụng. Do đó Ngân hàng thương mại cổ phần K khởi kiện yêu cầu ông Đ thanh toán toàn bộ số dư nợ tạm tính đến ngày 16/5/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 167.410.914đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm mười nghìn, chín trăm mười bốn đồng) là có căn cứ.

Do bị đơn ông Trương Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất giữa hai bên. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn cố tình vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo luật định và phía bị đơn không phản đối những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đưa ra do đó nguyên đơn không phải chứng minh những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh S đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 466; Điều 468 và khoản 2 Điều 318 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Trương Minh Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tổng số tiền vốn và lãi là: 167.410.914đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm mười nghìn, chín trăm mười bốn đồng). Trong đó nợ gốc chưa thanh toán: 49.957.890đ (Bốn mươi chín triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm chín mươi đồng); Lãi chưa thanh toán: 41.517.052đ (Bốn mươi một triệu, năm trăm mười bảy nghìn, không trăm năm mươi hai đồng); Phạt chậm trả chưa thanh toán: 27.095.419đ (Hai mươi bảy triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm mười chín đồng); Phí phạt vượt hạn mức: 48.840.553đ (Bốn mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, năm trăm năm mươi ba đồng). Tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/5/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/5/2022) ông Trương Minh Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/Về án phí:

- Ông Trương Minh Đ phải nộp 8.370.545đ (Tám triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần K không phải chịu án phí sơ thẩm. Ngân hàng được nhận lại 2.303.743đ (Hai triệu, ba trăm lẻ ba nghìn, bảy trăm bốn mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0005810 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 26 và 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng